

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/06/2022

*“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Danh On**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc *“Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1997 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí V**, sinh năm 1985 (*Vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị B và anh V có tổ chức đám cưới vào năm 2014 và có tiền hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 30/11/2015. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng đầu tháng 10 năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh V ghen tuông vô cớ cho rằng chị B có quan hệ tình cảm với người khác và tìm cách bắt ghen chị B nhưng chị B không có. Sau khi bắt ghen không có thì anh V không nói với chị B lời nào và ly thân với chị B từ ngày 10/11/2021 cho đến nay. Chị B có kêu anh V về nhà để nói chuyện cho ra lẽ nhưng anh V không đồng ý. Từ lúc chị B và anh V ly thân đến nay thì chị B và anh V không có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị B xin được ly hôn với anh Nguyễn Chí V.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị B, anh V có với nhau 03 người con chung là cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 22/8/2015; cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 09/07/2020; cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/9/2021. Hiện cả 03 người con chung đang sống cùng với chị B từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn chị B xin được quyền nuôi cả 03 người con chung đồng thời chị B yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng là 1.000.000 đồng, 03 người con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị B, anh V có nợ tiền thức ăn nuôi tôm của bà Dương Thị Út S nhà ở ấp L, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu số tiền là 82.763.000 đồng và nợ tiền lúa giống của ông Nguyễn Thanh D nhà ở khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang số tiền là 28.000.000 đồng. Đồng thời vợ chồng chị B, anh V có mua được 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Excirter, biển kiểm soát 94F1-151.19, chiếc xe này do anh V đứng tên đăng ký và hiện tại do anh V đang quản lý, sử dụng. Khi ly hôn chị B yêu cầu chia đôi số tiền nợ bà Dương Thị Út S và ông Nguyễn Thanh D với anh V. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Excirter biển kiểm soát 94F1-151.19 thì chị B đồng ý giao chiếc xe này cho anh V quản lý, sử dụng và yêu cầu anh V hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho chị B số tiền là 20.000.000 đồng. Ngoài ra chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Ngày 06/5/2022, chị Nguyễn Thị B có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chị B không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con khi vợ chồng ly hôn đồng thời chị B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022 bị đơn anh Nguyễn Chí V trình bày:*

+ Về hôn nhân: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới. Sau khi đám cưới vợ chồng anh V, chị B chung sống hạnh phúc với nhau cho đến cách nay khoảng 02 năm (*khoảng năm 2020*) thì anh V thấy chị B có những biểu hiện bất thường như thường hay nghe điện thoại vào ban đêm, anh V có hỏi thì chị B nói là điện thoại nói chuyện với bạn, lúc đầu anh V cũng không quan tâm nhưng sự việc này cứ lặp đi lặp lại thường xuyên, sau đó anh V có nghe những người ở xóm nói lại là thấy chị B thường hay đi chơi với người đàn ông lạ. Vì nghe nhiều người nói lại và anh V cũng thấy chị B có những biểu hiện như cài chế độ khóa điện thoại không cho người khác xem, anh V là chồng nhưng muốn mở điện thoại của chị B thì không được. Ngoài ra trong cuộc sống hàng ngày thì vợ chồng anh V, chị B cũng thường hay cự cãi với nhau, những lần cự cãi thì chị B đuổi anh V về bên nhà cha mẹ ruột của anh V mà không cho anh V ở chung với chị B (*vì anh V sống bên nhà vợ và ở rể bên nhà vợ*). Vợ chồng anh V, chị B đã ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2021 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay thì anh V và chị B không ai tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Không ai điện thoại cho ai. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh V thì anh V không đồng ý vì anh V nhận thấy vẫn còn thương vợ và con.

+ Về con chung: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị B về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh V, chị B ly hôn thì về con chung anh V đồng ý giao cả 03 con chung cho chị B nuôi dưỡng nhưng anh V không đồng ý cấp

đưỡng nuôi các con theo yêu cầu của chị B. Nếu chị B không nuôi nổi các con thì anh V đề nghị chị B giao lại 03 đứa con chung cho anh V nuôi dưỡng, anh V không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi các con.

+ Về tài sản chung: Anh V xác định quá trình chung sống vợ chồng anh V, chị B có xây dựng được một căn nhà bằng cây gỗ địa phương, mái lợp tol, móng cuốn nền, diện tích khoảng 100m² trị giá khoảng 100.000.000 đồng tại thời điểm xây dựng tháng 2 năm 2021. Ngoài ra thì vợ chồng anh V, chị B cũng mua sắm được các vật dụng sinh hoạt trong gia đình như tivi 32 in hiệu LG, tủ lạnh, máy giặt; 01 chiếc vỏ lãi composic dài 5,4m, 01 chiếc máy honda 5,5 ngựa, 02 cái máy dầu D6. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị B, anh V ly hôn thì anh V đồng ý để lại tất cả các tài sản này cho chị B toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản này của vợ chồng.

Đối với số nợ của bà Dương Thị Út S và ông Nguyễn Thanh D mà chị B yêu cầu chia đôi với anh V thì anh V có ý kiến nếu như thực tế vợ chồng còn nợ bà S và ông D số tiền như chị B yêu cầu thì chị B có trách nhiệm trả cho những người này. Anh V không đồng ý chia đôi số tiền nợ này với chị B vì anh V đã để lại toàn bộ tài sản của vợ chồng tạo lập được nêu trên cho chị B. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Excirter, biển kiểm soát 94F1-151.19 mua vào năm 2015 trị giá 44.000.000 đồng thì anh V xin được toàn quyền sở hữu chiếc xe máy này mà không đồng ý chia đôi giá trị chiếc xe này với chị B. Anh V xin được giữ lại chiếc xe này làm phương tiện đi lại kiếm sống. Ngoài ra anh V không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Chí V chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu anh Nguyễn Chí V cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung khi vợ chồng ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Chí V; Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 22/8/2015; cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 09/07/2020; cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/9/2021 cho chị Nguyễn Thị B chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Anh V có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra chị B còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin được ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung với bị đơn anh Nguyễn Chí V. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã V, huyện Hồng Dân nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Chí V đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Ngày 06/5/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đó chị B không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con khi vợ chồng ly hôn đồng thời chị B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị B là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B.

[4] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Chí V, thấy rằng: Chị B và anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 30/11/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị B xác định sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng đầu tháng 10 năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh V ghen tuông vô cớ cho rằng chị B có quan hệ tình cảm với người khác và tìm cách bắt ghen chị B. Sau khi bắt ghen không có thì anh V không nói với chị B lời nào và ly thân với chị B từ ngày 10/11/2021 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay thì chị B và anh V không có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị B xin được ly hôn với anh Nguyễn Chí V.

Về phía anh V xác định cách nay khoảng 02 năm (*khoảng năm 2020*) thì anh V thấy chị B thường hay nghe điện thoại vào ban đêm, anh V có hỏi thì chị B nói là nói chuyện với bạn, lúc đầu anh V cũng không quan tâm nhưng sự việc này cứ lặp đi lặp lại thường xuyên, sau đó thì anh V có nghe những người ở xóm nói lại thấy chị B thường hay đi chơi với người đàn ông lạ. Vì nghe nhiều người nói lại và anh V cũng thấy chị B có những biểu hiện như cài chế độ khóa điện thoại không cho người khác xem, anh V là chồng nhưng muốn mở điện thoại của chị B thì không được. Ngoài ra trong cuộc sống hàng ngày thì vợ chồng cũng thường hay cự cãi với nhau. Anh V xác định vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2021 đến nay và từ khi ly thân đến nay thì chị B và anh V không ai tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai không liên hệ với nhau. Tuy nhiên anh V không đồng ý ly hôn với chị B vì anh cho rằng anh vẫn còn thương vợ và con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên nền tảng vợ chồng cùng yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị B và anh V lại thường hay xảy ra cự cãi do ghen tuông, không tin tưởng lẫn nhau trong tình cảm. Cả hai đã

không còn sống chung với nhau hơn 06 tháng nay và từ khi ly thân đến nay thì cả hai đều không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án chị B cương quyết xin được ly hôn với anh V, không đồng ý hàn gắn với anh V từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị B và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B, cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Chí V.

[5] Về con chung: Chị B và anh V thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 03 người con chung là cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 22/8/2015; cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 09/07/2020; cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/9/2021. Khi ly hôn chị B yêu cầu được quyền nuôi cả 03 người con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con. Về phía anh V mặc dù không đồng ý ly hôn với chị B nhưng anh V có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh V ly hôn thì anh V đồng ý giao cả 3 người con chung cho chị B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng anh V, chị B ly thân đến nay thì cả 03 người con chung do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó để bảo đảm cho các con chung của vợ chồng chị B, anh V có cuộc sống ổn định cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 22/8/2015; cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 09/07/2020; cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/9/2021 cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng chị B, anh V ly hôn là phù hợp.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Chí V không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu anh Nguyễn Chí V cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung khi vợ chồng ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Chí V.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 22/8/2015; cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 09/07/2020; cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày

12/9/2021 cho chị Nguyễn Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Anh Nguyễn Chí V có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006141 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí.

Chị Nguyễn Thị B được hoàn lại số tiền 1.885.000 đồng mà chị B đã nộp tại biên lai thu số 0006142 ngày ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Anh Nguyễn Chí V không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- UBND xã V (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Tú Anh